

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 19.
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **232** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **29** tháng **7** năm 2025

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 12 HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN
TẠI CHUNG CƯ LÔ G, XÃ NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Thuế cơ sở 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

1.1. Mã số hồ sơ thủ tục hành chính: Theo danh sách đính kèm 12 hồ sơ, biên nhận số: 1218; 1221; 1222; 1223; 1224; 1225; 1227; 1228; 1230; 1231; 1232; 1254.

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: ngày 30 tháng 6 năm 2025.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: Theo danh sách đính kèm 12 hồ sơ.

2.1. Tên:

2.2. Địa chỉ:

2.3. Số điện thoại liên hệ: Email (nếu có):

2.4. Mã số thuế (nếu có):

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số: 88; Tờ bản đồ số: 5 thuộc xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè.

Nay là Thửa đất số: 88; Tờ bản đồ số: 130, xã Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh.

3.1.2. Địa chỉ tại: Khu nhà ở Phước Kiển (Chung cư Lô G), xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè (nay là xã Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.1.3. Giá đất

- Giá đất theo bảng giá: 66.500.000 đồng/m² (đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ cầu Rạch Đĩa 2 đến cầu Bà Chiêm. Vị trí thửa đất: vị trí 2).

- Giá đất cụ thể: m²

- Giá trúng đấu giá: m²

- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

3.1.4. Diện tích thửa đất: 28.559,0 m²

- Diện tích sử dụng chung: 28.559,0 m²

- Diện tích sử dụng riêng: m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

3.1.6. Mục đích sử dụng đất:

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

- Gia hạn năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:/...../.....

3.1.9. Hình thức sử dụng đất:

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT01296 ngày 09 tháng 7 năm 2010 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **Theo danh sách đính kèm 12 hồ sơ.**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m² /diện tích sử dụng: m².

3.2.4. Diện tích sở hữu chung/riêng: m²

3.2.5. Số tầng: 02 hầm + 25 tầng.

Kết cấu: Tường gạch, sàn BTCT, mái BTCT

3.2.6. Nguồn gốc:

3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: năm 2019.

3.2.8. Thời hạn sở hữu đến:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 12 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- Hợp đồng mua bán căn hộ; Văn bản chuyển nhượng.
- Biên bản bàn giao nhà.
- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để đăng tin);
- Công ty TNHH BĐS Nova Riverside;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 1218/2025

ngj

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC ✓



Thân Thế Hùng

**DANH SÁCH
PHƯỚC KIẾN**
Phụ Phiếu chuyển

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Đính kèm Phiếu chuyển số...../PCTT-VPĐK-ĐK ngày/...../2025 của VPĐKĐĐ TP)

Stt	Số Biên nhận	Họ tên Chủ sở hữu	Mã căn hộ theo HDMB	Mã căn hộ cấp theo quyết định cấp Số nhà	Diện tích sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	792764612025001218	Ông ĐÀO VĂN DŨNG Ngày sinh: 20/06/1965; CCCD: 031065004629 Bà NGUYỄN THỊ XUYẾN Ngày sinh: 26/09/1966; CCCD: 031166004381	SR.G2-14.12A	Căn hộ số D.14.12, Tầng 14, Khối D	86	92,8
2	792764612025001221	Bà TRƯƠNG PHÚ NGHĨA Ngày sinh: 31/10/1991; CCCD: 082191003911	SR.G2-15.05	Căn hộ số D.15.05, Tầng 15, Khối D	64,5	69,5
3	792764612025001222	Ông LÊ ĐÌNH TRUNG Ngày sinh: 20/06/1990; CCCD: 068090000156 Bà DƯƠNG THỊ THẢO EM Ngày sinh: 10/03/1989; CCCD: 079189018542	SR.G2-17.02	Căn hộ số D.17.02, Tầng 17, Khối D	76,1	82,5
4	792764612025001223	Ông TĂNG CẨM NAM Ngày sinh: 03/12/1949; CCCD: 079049003178 Bà NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ Ngày sinh: 27/08/1957; CCCD: 079157013697	SR.G2-17.10	Căn hộ số D.17.10, Tầng 17, Khối D	64,6	70,2
5	792764612025001224	Ông TRẦN QUANG TUYẾN Ngày sinh: 14/04/1962; CCCD: 079062004218 <i>Cùng sở hữu tài sản gắn liền với đất với người khác</i> Bà LÊ VIỆT PHƯƠNG Ngày sinh: 08/10/1983; CCCD: 093183001617	SR.G2-17.12B	Căn hộ số D.17.13, Tầng 17, Khối D	87,1	93,3
6	792764612025001225	Bà NGUYỄN ĐỖ MỸ QUYÊN Ngày sinh: 27/07/1977; Căn cước: 079177006655	SR.G2-18.03	Căn hộ số D.18.03, Tầng 18, Khối D	77,6	83,1
7	792764612025001227	Bà TRẦN THỊ HẢI LÂM Ngày sinh: 17/03/1979; CCCD: 036179015026	SR.G2-21.02	Căn hộ số D.21.02, Tầng 21, Khối D	77,2	83,1
8	792764612025001228	Bà NGUYỄN THỊ MỘNG UYÊN Ngày sinh: 02/08/1982; CCCD: 075182008701	SR.G2-22.01	Căn hộ số D.22.01, Tầng 22, Khối D	65,2	70,2
9	792764612025001230	Bà NGUYỄN THỊ BÍCH THY Ngày sinh: 08/09/1981; CCCD: 079181029284	SR.G2-23.01	Căn hộ số D.23.01, Tầng 23, Khối D	65,2	70,2
10	792764612025001231	Bà NGUYỄN THỊ TRÀ MY Ngày sinh: 12/08/1990; CCCD: 077190002807	SR.G5-16.09	Căn hộ số C.16.09, Tầng 16, Khối C	64,5	69,5
11	792764612025001232	Bà PHƯƠNG NGỌC THIÊN THANH Ngày sinh: 06/04/1994; CCCD: 079194005466	SR.G5-20.06	Căn hộ số C.20.06, Tầng 20, Khối C	77,2	83
12	792764612025001254	Ông NGUYỄN QUỐC BẢO Ngày sinh: 19/03/1963; CCCD: 056063007534 Bà VƯƠNG TUẤN HẠNH Ngày sinh: 16/03/1977; CCCD: 056177006914	SR.G2-07.09	Căn hộ số D.7.09, Tầng 7, Khối D	75,8	82,2

Wk 7/1

